



Cuộc họp Ban chỉ đạo lần 4 về Nghiên cứu Chiến lược Phát triển Liên kết thành phố Đà Nẵng và Vùng phụ cận (DaCRISS)

Ngày 9 tháng 10 năm 2009
Thành phố Đà Nẵng
Đoàn nghiên cứu JICA

■ Các vấn đề thảo luận chính

- Tiến độ nghiên cứu chung
- Kết luận và đề xuất về các chiến lược phát triển Vùng Kinh tế Trọng điểm miền Trung
- Các vấn đề chính của thành phố Đà Nẵng
- Rà soát các quy hoạch hiện tại
- Tầm nhìn, các chiến lược và khung phát triển đô thị
- Quy hoạch phát triển không gian
- Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị
- Quy hoạch tổng thể năm 2025
- Phát triển kinh tế
- Quản lý môi trường
- GIS trong quy hoạch đô thị
- Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)
- Các bước tiếp theo

▣ Tiến độ nghiên cứu chung

- Điều tra, khảo sát bổ sung
- Thăm thực địa
- Họp / phỏng vấn
- Họp tổ công tác
- Họp tổ đối tác
- Phân tích hiện trạng
- Thảo luận các chiến lược phát triển dài hạn
- Xây dựng các phương án tương lai
- Danh mục các dự án
- Lập Báo cáo Giữa kỳ

Tháng / Năm	NHIỆM VỤ / HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	
2008/6	NV 1: Công tác chuẩn bị	Đào tạo Khảo sát
7	NV 2: Thu thập số liệu và phân tích hiện trạng	2.E Tiến hành khảo sát bổ sung - Điều tra gia đình (HS) - Khảo sát xã/phường - Khảo sát các cơ sở - Khảo sát giao thông khác
8	2.A và phát triển của Vùng KTTĐ miền Trung 2.B Về các chiến lược phát triển của TP. Đà Nẵng 2.C Về công tác quy hoạch GT/VT đô thị môi trường Đà Nẵng 2.D Về công tác quy hoạch quy hoạch tổng thể 2.F Xác định vấn đề và chương trình quy hoạch	
9	NV 3: Xác định tầm nhìn & chiến lược	
10	3.A Lập chiến lược phát triển cho vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung - Rà soát các quy hoạch vùng hiện có - Xem xét các chiến lược phát triển vùng	3.B Lập chiến lược phát triển TP. ĐN - Rà soát các quy hoạch hiện có - Lập tầm nhìn chiến lược - Áp dụng bản quản lý tổng thống
11	NV 4: Lập quy hoạch Tổng thể Phát triển Đô thị (2025) - Lập khung kinh tế - xã hội và phát triển (2025) - Áp dụng quy hoạch cấu trúc không gian - Áp dụng các quy hoạch chuyên ngành	NV 7: Đánh giá Môi trường chiến lược và Các vấn đề Xã hội
3	NV 5: Lập chương trình Giao thông vận tải Đô thị - Kế hoạch mạng lưới giao thông - Quy hoạch dịch vụ Vận tải	
4	NV 6: Lập chương trình phát triển đô thị bền vững - Quy hoạch các dịch vụ đô thị - Quy hoạch quản lý môi trường	
8	NV 8: Triển khai kế hoạch (2015)	
9	NV 9: Phát triển năng lực xây dựng cơ sở dữ liệu	

▣ Điều tra, khảo sát bổ sung

• Chuẩn bị các thông tin cập nhật:

Về các hoạt động kinh tế-xã hội và đánh giá của người dân về các điều kiện, vấn đề hiện nay và nhu cầu trong tương

• Điều tra phỏng vấn hộ gia đình:

5.000 hộ gia đình sống tại Đà Nẵng

• Điều tra phường/xã:

Tổng cộng 792 phường/xã tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định

• Phỏng vấn khách du lịch:

Tổng cộng 400 khách du lịch được phỏng vấn tại sân bay Đà Nẵng

• Phỏng vấn doanh nghiệp:

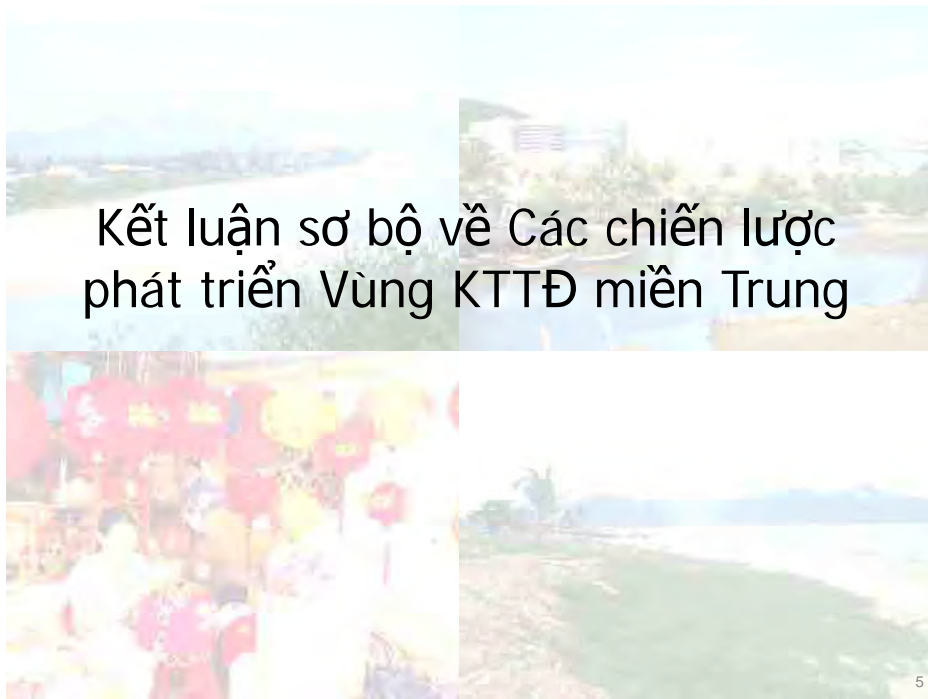
Tổng cộng 300 doanh nghiệp tại Đà Nẵng

• Điều tra giao thông

Phỏng vấn và đếm xe

◀ Sản phẩm ▶

- Sổ tay thông tin KTXH
- Cơ sở dữ liệu GIS
- Kỳ yếu đô thị
- CSDL giao thông, vận tải
- Khác



Kết luận sơ bộ về Các chiến lược phát triển Vùng KTTĐ miền Trung

5

Tóm tắt các chiến lược phát triển của Vùng KTTĐMT và các bên tham gia chính

- ① **Đáp ứng nhu cầu hiện có** của các xã, phường (tỉnh)
 - Xây dựng chương trình phát triển hạ tầng toàn diện từng bước để thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài (vùng, trung ương)
- ② **Giải quyết các vấn đề chung của các tỉnh** trong vùng, ví dụ như phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực, tiếp cận nguồn tin dụng, v.v.. (vùng)
 - Phát huy các dự án giao thông vận tải chính cấp quốc gia, như đường sắt và đường bộ cao tốc bắc nam, v.v. (vùng)
 - Tăng cường kết nối hàng không trực tiếp với các đô thị lớn khác ở châu Á; tăng cường dịch vụ vận tải biển quốc tế (trung ương, Đà Nẵng)
- ③ **Tăng cường tiếp cận quốc tế tới thị trường**, các kênh thông tin, công nghệ và đầu tư thông qua việc mở rộng hệ thống vận tải hàng không, hàng hải và thông tin (vùng)
 - Khai thác nhu cầu của hành lang đông – tây (TW, Huế, QN, BĐ)
 - Tăng cường dịch vụ viễn thông (vùng, TW)
 - Tăng cường tính liên kết nội vùng thông qua phát triển mạng lưới (các tỉnh)
- ④ **Vùng KTTĐ Trung bộ, với vai trò đầu tàu của Đà Nẵng**, nên bổ sung chứ không nên cạnh tranh với các vùng KTTĐ Bắc và Nam – thông qua các cơ hội phát triển kinh tế mới (TW, vùng)
 - Đẩy mạnh du lịch kết hợp với các tỉnh, đặc biệt là du lịch sinh thái và văn hóa (TW, vùng, tỉnh)
 - Khuyến khích sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tiềm năng của các tỉnh (tỉnh)
 - Khuyến khích ngành nghề thủ công (vùng, tỉnh)
 - Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân trong ngành dịch vụ và thương mại (vùng, tỉnh)
- ⑤ **Tăng cường sự phối hợp giữa các tỉnh** đối với các ngành chiến lược, như du lịch, môi trường, vận tải, quản lý ven biển... (vùng, tỉnh)
 - Khai thác các lĩnh vực mới như phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, môi trường...(TW, vùng)

6

Chia sẻ vai trò giữa các tỉnh trong để phát triển liên kết Vùng KTTĐMT

Vấn đề chính	Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	
Chức năng đầu mối	B	(A)	B	(A)	B	
Lĩnh vực phát triển chiến lược	Du lịch	(A)	(A)	(A)	A	A
	Công nghiệp	B	B	B	(A)	B
	Dịch vụ	A	(A)	B	A	A
	Ngành nghề mới (y tế, giáo dục)	B	(A)	A	B	B
	Phát triển nguồn nhân lực	(A)	(A)	A	A	A
	Quản lý môi trường	A	A	A	A	A
	Nâng cao giá trị văn hóa	(A)	B	(A)	B	B
Phát triển đô thị	A	(A)	A	A	(A)	
Phát triển nông thôn	A	B	A	A	A	

A: Vai trò chính, B: Vai trò thứ yếu (A) : Vai trò cấp vùng


7

Vai trò cấp vùng của Đà Nẵng

- Đà Nẵng đóng vai trò là cầu nối kinh tế – xã hội và không gian cho trục Bắc – Nam của cả nước
- Đà Nẵng đóng vai trò lớn hơn trong việc thúc đẩy phát triển và tăng trưởng của vùng KTTĐ miền Trung
- Đà Nẵng góp phần vào sự phát triển và tăng trưởng của tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) thông qua hành lang Đông - Tây

A8-39

8



Tóm lược các vấn đề của thành phố Đà Nẵng

■ Các vấn đề và thách thức chính của Đà Nẵng

□ Quản lý tăng trưởng

- Vấn đề: Nguy cơ từ việc phát triển quá mức không gian đô thị
- ✓ cách thức đối phó tình hình tăng liên tục dân số đô thị
- ✓ tăng cường vai trò trong vùng KTTĐMT và cả nước
- ✓ sử dụng đất và không gian hiện có như thế nào để không ảnh hưởng đến giá trị môi trường

□ Phát triển kinh tế

- Vấn đề: chưa đủ sức đóng vai trò là động lực tăng trưởng cho vùng KTTĐMT
- ✓ cần xác định các chiến lược phát triển kinh tế từ các chiến lược của vùng KTTĐ Bắc bộ và phía Nam
- ✓ Tạo môi trường đầu tư cạnh tranh (cơ sở vật chất, nguồn nhân lực,...) cho tất cả mọi người

■ Phát triển xã hội

- Các vấn đề: cơ sở cho phát triển xã hội chưa đủ mạnh
- ✓ cần quan tâm cải thiện điều kiện sống và dịch vụ xã hội toàn diện
- ✓ cần thiết lập cơ chế bền vững để cung cấp đủ nhà/chỗ ở cho người thu có nhập thấp
- ✓ cần nâng cao nhận thức của người dân về phát triển và quản lý đô thị

■ Quản lý môi trường

- Các vấn đề: chưa quản lý tốt tài nguyên giàu có vốn vừa thể mạnh và cũng là nguy cơ
- ✓ cần tăng cường giải quyết ô nhiễm theo Quy hoạch môi trường hiện có
- ✓ đẩy mạnh công tác phòng, chống và các biện pháp ứng phó với thiên tai
- ✓ cần kết hợp các tài nguyên môi trường hiện có (thiên nhiên và nhân tạo, đất - biển, mặt nước - cây xanh, cảnh quan, v.v...) để tạo cơ sở cho phát triển đô thị và các hoạt động đô thị.

■ Giao thông đô thị

- Các vấn đề: các vấn đề hiện nay không nghiêm trọng nhưng tương lai là không ổn định
- ✓ cần xây dựng chính sách chắc chắn về phát triển GTCC hiệu quả gắn với các chiến lược quản lý tăng trưởng
- ✓ phát triển hiệu quả hệ thống giao thông liên tỉnh hiệu quả
- ✓ tăng cường nhận thức người dân về các luật giao thông, an toàn giao thông, xe thô sơ và người đi bộ.

13

■ Hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Các vấn đề: tình hình đang được cải thiện đều, dù có sự chênh lệch giữa các khu vực
- ✓ cần tiếp tục cải thiện các công trình và dịch vụ cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, quản lý rác thải rắn
- ✓ người dân có các nhu cầu cụ thể về cải thiện chất lượng nước, xây dựng thêm nhà vệ sinh công cộng trong công viên, khu vực mặt nước và dọc các tuyến đường chính, cũng như cần cải thiện các điều kiện thoát nước.

14

■ Quản lý sông

- Các vấn đề: còn yếu trong quản lý toàn diện và tổng hợp tài nguyên nước
- ✓ cần đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Đà Nẵng và Quảng Nam bằng nước thô từ lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn
- ✓ tác động của việc phát triển nhiều nhà máy thủy điện ở khu vực thượng lưu đối với người sử dụng nước ở hạ lưu
- ✓ kiểm soát tác động của thiên tai
- ✓ chia sẻ trách nhiệm về bảo vệ nước ngầm

15

■ Quản lý vùng bờ

- Các vấn đề: cần tăng cường quản lý tổng hợp vùng bờ
- ✓ duy trì hệ sinh thái biển phong phú
- ✓ đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh
- ✓ dân số các lưu vực sông

16

■ Du lịch

- Các vấn đề: nhiều tiềm năng mà chỉ có thể đạt được nếu có phối hợp vùng, đặc biệt giữa Huế và Quảng Nam
- ✓ cần xây dựng các chiến lược cạnh tranh ở cấp vùng với sự phối hợp của các tỉnh liên quan với việc chia sẻ vai trò cụ thể
- ✓ cần gắn kết du lịch với lập quy hoạch đô thị tổng thể và phát triển đô thị
- ✓ tăng cường phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch

17

■ Cấp vốn cho thành phố

- Vấn đề: thành phố huy động được nhiều ngân sách từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Việc này có bền vững hay không?
- ✓ cần quản lý đất hiệu quả hơn
- ✓ cần mở rộng các nguồn thu của thành phố
- ✓ cần khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân

18



19

■ Rà soát các quy hoạch hiện có

- Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2006 – 2010
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020
- Quy hoạch tổng thể thành phố Đà Nẵng (Quy hoạch xây dựng)
- Quy hoạch sử dụng đất thành phố Đà Nẵng 2006 – 2010
- Quy hoạch phát triển môi trường thành phố Đà Nẵng

➔ **DaCRISS tổng hợp nội dung chính của các quy hoạch trên thành một chiến lược thống nhất.**

A8-42

20

■ Tầm nhìn và Mục tiêu

Đà Nẵng trở thành Thành phố môi trường có tính cạnh tranh trên trường quốc tế, không chỉ là không ô nhiễm

◀ Hình ảnh về Đà Nẵng tương lai ▶

- Không ô nhiễm (không khí, nước, đất)
- Sẵn sàng ứng phó với thiên tai và thảm họa
- Bảo tồn được hệ sinh thái và văn hóa
- Các hoạt động KTXH có tính tới nội dung môi trường
- Người dân có nhận thức tốt về môi trường
- Ngành công nghiệp xanh là ngành mũi nhọn trong tăng trưởng kinh tế

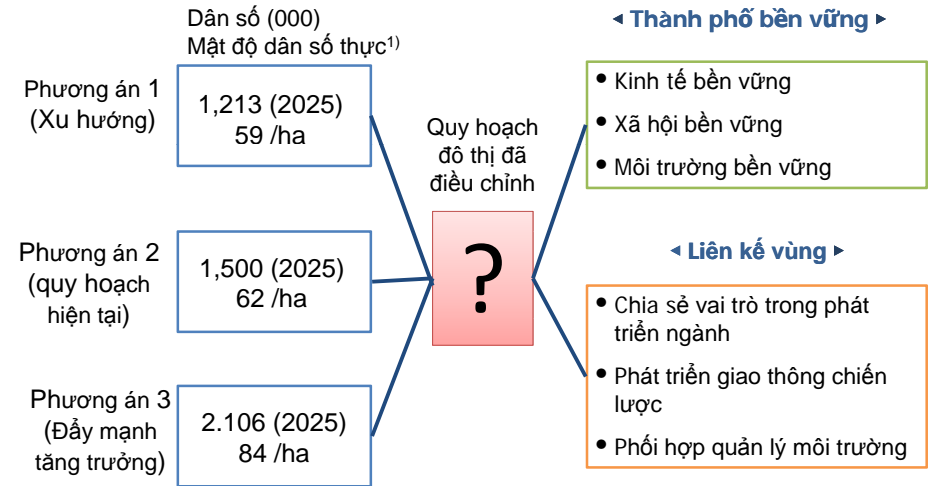
◀ Thành phố môi trường ▶

- ① Đảm bảo an toàn/an ninh
- ② Đảm bảo ổn định sinh thái
- ③ Cung cấp tiện ích đô thị
- ④ Giảm nghèo, phát triển kinh tế
- ⑤ Bảo tồn giá trị văn hóa
- ⑥ Người dân thân thiện, hiếu khách

- **Tạo dựng hình ảnh đặc trưng và hấp dẫn**
- **Đáp ứng được vai trò trong vùng KTTĐ và GMS**

21

■ Phương án tăng trưởng đô thị trong dự án DaCRISS



¹⁾ Diện tích thực là diện tích khu đô thị và các khu vực khác phù hợp cho nhiều loại hình phát triển. Diện tích này được tính dựa vào phân tích khu vực phù hợp trừ những khu vực có thể bị nhiễm mặn, khu vực sông hồ, diện tích rừng, đất giao thông, đất nghĩa trang, đất quân sự, và các khu vực cần được bảo vệ đặc biệt như khu động

22

■ So sánh các phương án

	PA 1 : Xu hướng	PA 2 : QH hiện có	PA 3 : Đẩy nhanh tăng trưởng
Thông tin	Dân số (000) 1.213 (2025)	1.500 (2025)	2.100 (2025)
	Đất phù hợp cho PT (ha) ¹⁾	Khoảng 25.000 ha	
	Mật độ dân số (người/ha) ²⁾	59	84
Tình bền vững	Kinh tế: • Mức độ hỗn hợp ngành • Thu hút đầu tư • Tác động đến vùng	Trung bình:	Cao: • Oւận đô thị trung tâm nên hiện đại và các tiêu trung tâm • Vị trí chiến lược cho các ngành mới • Tăng cường liên kết với các tỉnh lân cận
	Xã hội: • Chênh lệch • Việc làm • Tiếp cận dịch vụ	Trung bình:	Từ trung bình đến cao: • Phát triển nguồn nhân lực • Cải thiện tiếp cận dịch vụ • Tăng cường cộng đồng địa phương
	Môi trường • Mức độ ô nhiễm • Bảo tồn hệ sinh thái • Phòng chống thiên tai	Trung bình đến cao:	Từ trung bình đến cao: • Không ô nhiễm • Bảo tồn hệ sinh thái • Năng cao khả năng ứng phó thiên tai
	Thấp: • Sử dụng đất không hiệu quả • Thu hút đầu tư giảm • Ít tác động tích cực đến vùng		
	Thấp: • Cơ hội việc làm còn hạn chế • Điều kiện sống có thể giảm sút		
	Thấp: • Ô nhiễm tràn lan • Ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái • Tính dễ bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn		

1) Diện tích rừng tính từ kết quả phân tích tính phù hợp cho phát triển

23

■ Khung phát triển kinh tế-xã hội năm 2025

		2007	2025	Growth (07-25)	
				Tỉ lệ	% / Năm
Dân số: 000	Tổng	807	2,100 ²⁾	2.6	5.5
	Độ tuổi lao động ¹⁾	528	1,160	2.2	4.5
Hộ gia đình	Tổng số: 000	204	656 - 840	3.2 - 4.1	6.7 - 8.2
	Quy mô trung bình	4.0	2.5 - 3.2	0.6 - 0.8	-2.6 - -1.2
Việc làm: 000(%)	Ngành cấp I	40 (11)	18 (2)	0.5	-4.3
	Ngành cấp II	98 (26)	198 (24)	2.0	4.0
	Ngành cấp III	238 (63)	611 (74)	2.6	5.4
	Tổng	374 (100)	826 (100)	2.2	4.5
Sinh viên: 000(%)	Ngành cấp I	50 (24)	144 (32)	2.9	6.1
	Ngành cấp II	116 (56)	224 (50)	2.1	3.7
	Ngành cấp III	42 (20)	78 (18)	1.9	3.5
	Tổng	209 (100)	486 (100)	2.3	4.8
GRDP: tỉ đồng (%)	Ngành cấp I	597 (4)	922 (1)	1.5	2.4
	Ngành cấp II	6713 (44)	28,876 (17)	4.3	8.4
	Ngành cấp III	7797 (52)	138,201 (82)	17.7	17.3
	Tổng	15,107 (100)	168,000 (100)	11.1	14.3
GRDP /đầu người: triệu đồng (USD)		18.7 (1,100)	80.0 (4,705)	4.3	8.4
Sở hữu xe (% of hộ gia đình)	Ôtô	1.5	69.9	46.6	23.8
	Xe máy	90.1	23.2	0.3	-7.3

Nguồn: Số liệu năm 2007 của Tổng cục thống kê và KSPVHGĐ của DaCRISS năm 2008

1) Giả định độ tuổi sinh sản là từ 15 - 59 tuổi đối với Nam và 15 - 54 đối với nữ

2) Tổng dân số đến năm 2025 sẽ được trình bày cho chương 6

A8-43

24

■ Các yếu tố chính cho quy hoạch không gian

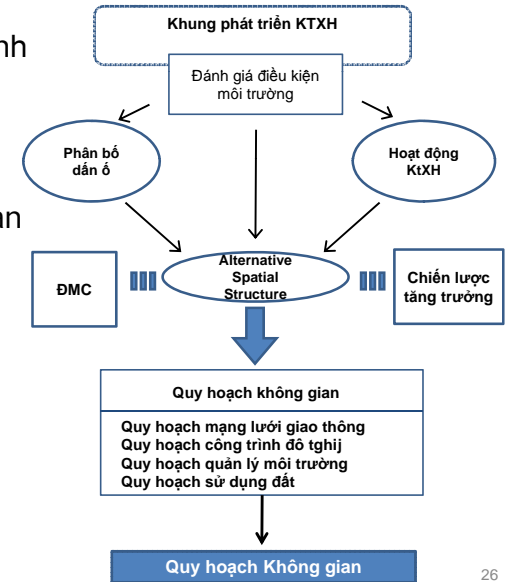
- Sẵn sàng với sự tăng trưởng hơn nữa của thành phố
- Bảo vệ môi trường và ứng phó với thiên tai
- Thành phố nén trên nền phát triển giao thông công cộng
- Khu thương mại trung tâm có tính cạnh tranh và các trung tâm đô thị
- Mạng lưới xanh (cây xanh và mặt nước)
- Cộng đồng dân cư mật độ trung bình tới cao



25

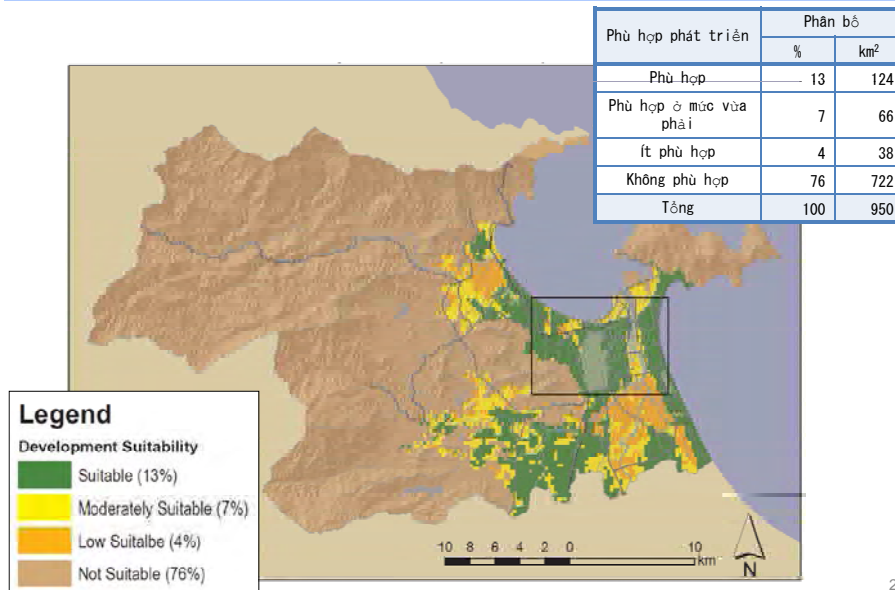
■ Phát triển không gian

- Gắn kết khung phát triển kinh tế-xã hội
- Đánh giá điều kiện tự nhiên và định hướng phát triển
- Đánh giá cấu trúc không gian thay thế
- Các điều kiện của dự án và hoạt động giao thông quốc gia/vùng



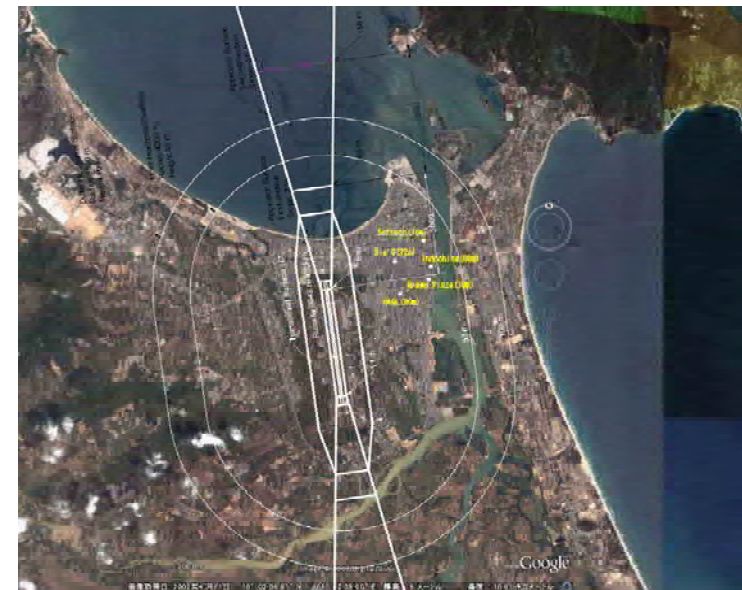
26

■ Đánh giá các điều kiện tự nhiên



27

■ Hạn chế phát triển đô thị do có sân bay



A8-44

28

■ Các điểm đề xuất phát triển sân bay (sơ bộ)



29

■ Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi



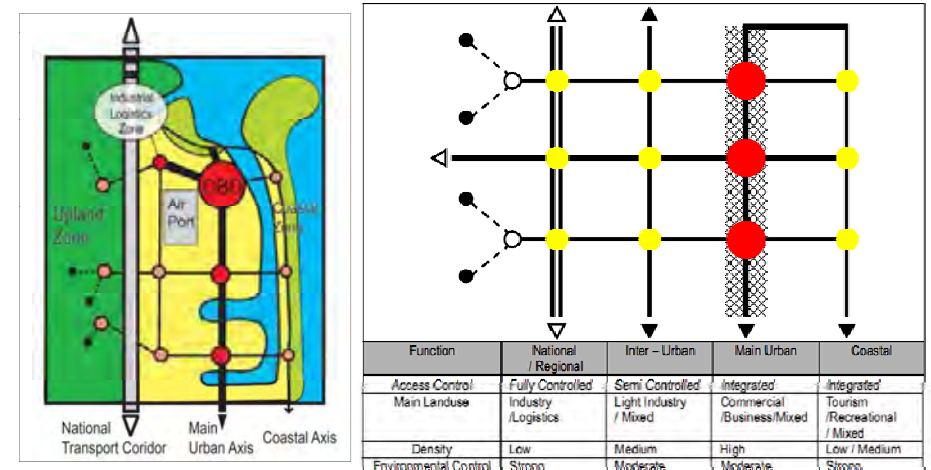
30

■ Đoạn Đà Nẵng – Huế trong tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam



31

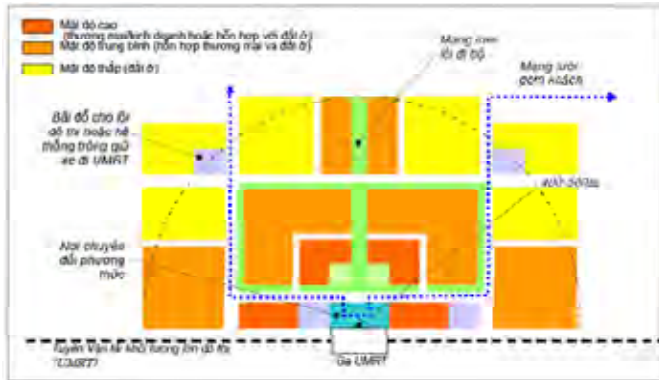
■ Cấu trúc không gian đô thị cơ bản được đề xuất



A8-45

32

■ Ý tưởng (phát triển giao thông công cộng)

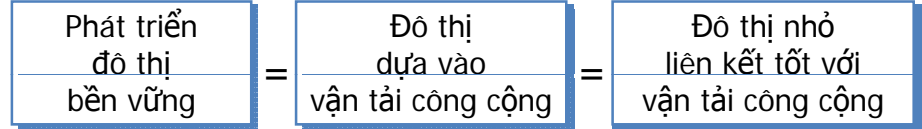


Curitiba

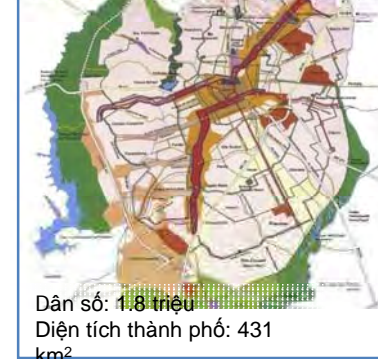
Nagoya

33

■ Hướng phát triển giao thông đô thị

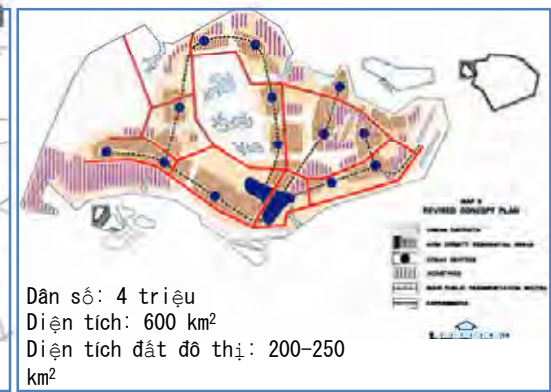


Curitiba
Cidade de Curitiba



Dân số: 1,8 triệu
Diện tích thành phố: 431 km²

Singapore



Dân số: 4 triệu
Diện tích đất đô thị: 200-250 km²

■ Ý tưởng cấu trúc không gian của thành phố Đà Nẵng



35

■ Dự thảo Quy hoạch chung



A8-46

Phân loại sử dụng đất

	Nhóm	LEGEND
Loại I: Nông thôn	1-1 Đất nông nghiệp	LANDUSE ZONE Class-I Rural Agricultural Land Rural Residential Rural Service Center Class-II Residential Low-rise Residential Medium-rise Residential High-rise Residential Urban Village Mixed Use Residential Class-III Commercial & Business Commercial and Business Center Corridor Commercial District Commercial Shopping Center Class-IV Public Use Institution and Special Public Use Government Center Higher Education Airport Key Land Transport Facilities Key Inland Water Port Key Utility Plants Class-V Industrial Industrial Park Light Industrial Area Quasi-Industrial Class-VI Green And Open Space Park and green space Ecological Preservation Tourism and Recreation ENVIRONMENT PROTECTION ZONES Key Natural Hazard Control Area Special Settlement Management Area Landscape Control Area KEY FACILITIES Expressway Primary Road Secondary Road LMRT Intercity Railway Cemetery DWF Depot / Workshop / Fleet Yard CP Container Port MP Material Port PP Passenger Port W Water Supply Plant S Sewerage/Drainage Treatment Plant ICBT Inter-City Bus Terminal SWTP Solid Waste Transfer Station LC Logistic Center OTHERS Provincial Boundary District Boundary Urban Growth Boundary Future Expansion of URA till 2020 Environmental Buffer Zone Administrative Boundary
	1-2 Đất ở nông thôn	
	1-3 Trung tâm dịch vụ nông thôn	
Loại II: Đất ở	2-1 Đất ở thấp tầng	
	2-2 Đất ở tầng cao trung bình	
	2-3 Đất ở cao tầng	
	2-4 Làng đô thị	
	2-5 Đất ở hỗn hợp	
Loại III: Kinh doanh thương mại	3-1 Trung tâm kinh doanh & thương mại	
	3-2 Hành lang thương mại	
	3-3 Quận thương mại	
	3-4 Trung tâm hiện hữu	
Loại IV: Công ích	4-1 Đất cơ quan hành chính và sử dụng công cộng đặc biệt	
	4-2 Khu công nghiệp	
Loại V: Công nghiệp	5-1 Khu công nghiệp	
	5-2 Khu công nghiệp nhẹ	
	5-3 Khu bán công nghiệp	
Loại VI: Cây xanh và không gian mở	6-1 Công viên và không gian xanh	
	6-2 Du lịch và giải trí	

Theo dự án HAIDEP

37

Các chiến lược phát triển thành phố

Chiến lược tăng trưởng chung

- Thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm là đầu tàu tăng trưởng bền vững của vùng KTTĐMT và Việt Nam
- Cần có chiến lược tăng trưởng khác với vùng KTTĐBB và vùng KTTĐPN và dựa vào các thế mạnh (giàu tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, có trường Đại học Đà Nẵng) và bằng cách vượt qua khó khăn (thị trường nhỏ, hạ tầng kém) và trở ngại (thiên tai)
- Tạo thêm hội bằng cách tăng cường kết nối với thế giới thông qua đường hàng không và hệ thống thông tin

38

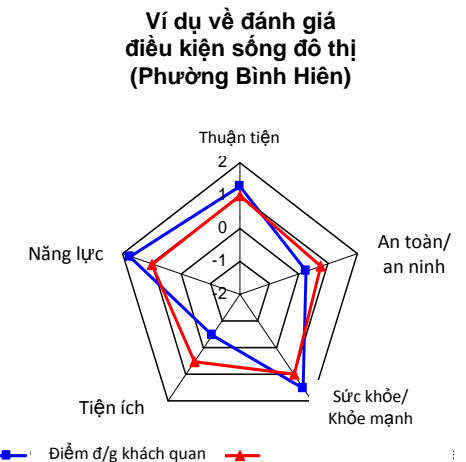
Phát triển kinh tế

- Định hướng cơ bản: chuyển dần sang ngành nghề có hàm lượng chất xám cao và môi trường
- Phát triển các ngành chiến lược mũi nhọn (kinh tế môi trường, giáo dục đại học, chăm sóc y tế (các ngành, dịch vụ))
- Mở rộng phát triển du lịch có sự phối hợp của các tỉnh lân cận
- Phát triển bố trí các ngành sản xuất hiện có với sự phối hợp của các tỉnh lân cận
- Đẩy mạnh doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương và các ngành không chính thức

39

Phát triển xã hội

- Định hướng cơ bản: Đảm bảo điều kiện sống tốt cho tất cả mọi người
- Cung cấp các dịch cơ bản được cải thiện và sự an toàn cho người dân
- Thực hiện các sáng kiến cộng đồng để thu hút hiệu quả các vấn đề địa phương
- Sẵn sàng với gia tăng dân số cơ học

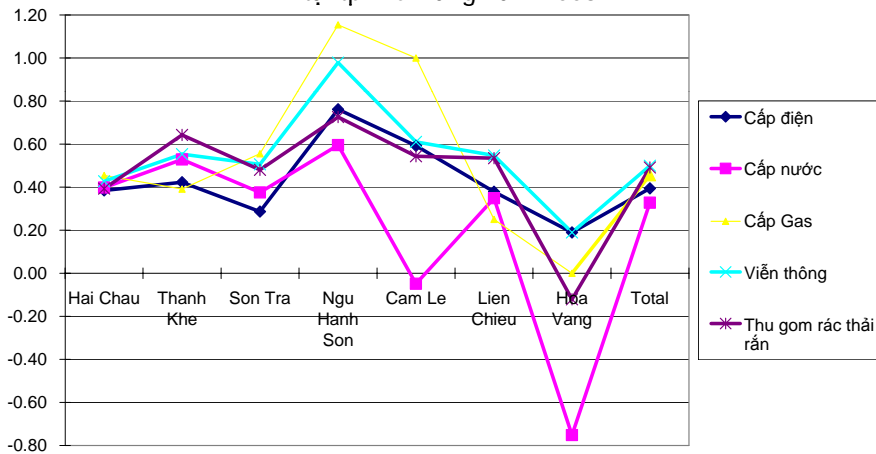


A8-47

40

■ Điều kiện sống (đánh giá theo khảo sát hộ gia đình)

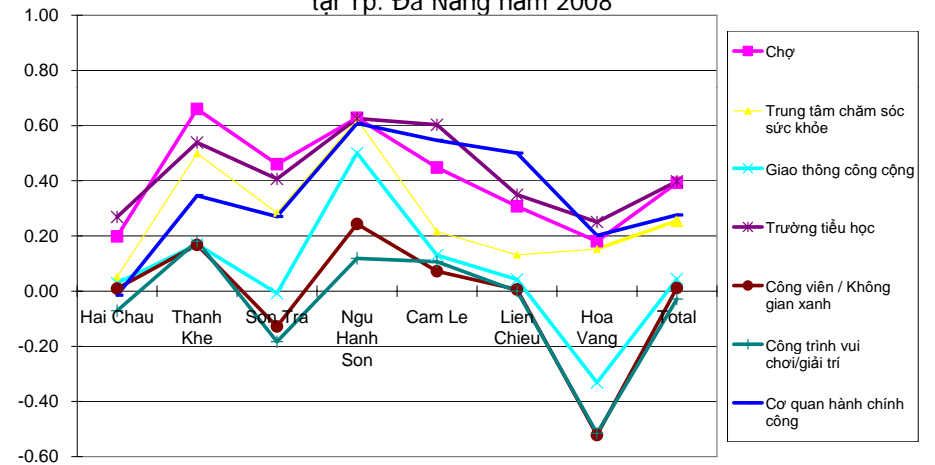
Đánh giá của người dân về dịch vụ tiện ích theo từng quận/huyện tại tp. Đà Nẵng năm 2008



KSPVHGD của DaCRISS năm 2008

41

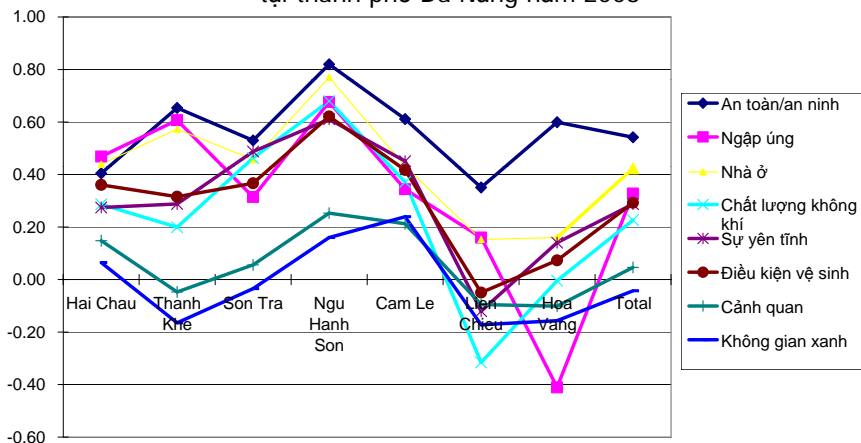
Đánh giá của người dân về tiếp cận dịch vụ đô thị theo từng quận/huyện tại Tp. Đà Nẵng năm 2008



KSPVHGD của DaCRISS năm 2008

42

Đánh giá của người dân về điều kiện sống theo từng quận/huyện tại thành phố Đà Nẵng năm 2008



KSPVHGD của DaCRISS năm 2008

43

■ Phát triển nguồn nhân lực

- Định hướng cơ bản: Đà Nẵng trở thành trung tâm quốc gia về phát triển nguồn nhân lực cho các ngành dịch vụ, ngành nghề môi trường và có hàm lượng chất xám cao. Phát triển thành phố lành mạnh và sống tốt
- ✓ Mở rộng và nâng cấp giáo dục đại học;
- ✓ Tăng cường đào tạo nghề phù hợp với các chiến lược phát triển ngành;
- ✓ Mở rộng trao đổi nguồn nhân lực ở cấp quốc gia và quốc tế.

A8-48

44

■ Phát triển năng lực tài chính thành phố

- Định hướng cơ bản: Cần mở rộng, gia tăng các nguồn thu cho thành phố
- ✓ Mở rộng các nguồn vốn tự có;
- ✓ Đẩy mạnh nguyên tắc người sử dụng phải trả phí đối với các dịch vụ đô thị;
- ✓ Giới thiệu mô hình PPP
- ✓ Tăng cường phân cấp, thực hiện vốn ODA
- ✓ Phát hành trái phiếu thành phố

45

■ Phát triển giao thông

- Định hướng cơ bản: Vận tải đô thị là hợp phần cốt lõi của việc thúc đẩy phát triển đô thị bền vững theo mô hình nén
- ✓ Thiết lập hệ thống hiệu quả giữa giao thông đô thị và vùng
- ✓ Phát triển hệ thống giao thông công cộng thu hút gắn kết với phát triển đô thị
- ✓ Phát triển hệ thống đường hiệu quả gắn với sử dụng đất
- ✓ Tăng cường hệ thống quản lý giao để vận tải khách và hàng hóa hiệu quả
- ✓ Phát triển dịch vụ giao thông thủy

46

■ Hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Định hướng cơ bản: góp phần xây dựng điều kiện sống an toàn, lành mạnh và tiện lợi cho mọi người
- ✓ Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ hiệu quả gồm cấp nước, cấp điện, viễn thông, thoát nước, quản lý chất thải rắn, v.v...
- ✓ Cải thiện cơ chế vận hành và quản lý
- ✓ Đẩy mạnh nguyên tắc / nhận thức người sử dụng phải trả phí để sử dụng tiết kiệm

47

■ Quản lý Môi trường

- Định hướng cơ bản: Đưa “môi trường” thành yếu tố trọng tâm của từng chuyên ngành

◀ Ví dụ về nội dung môi trường của các chuyên ngành ▶

Ngành	Có nội dung môi trường
Phát triển không gian	• Đô thị nén
Sử dụng đất	• Phân vùng môi trường • Đánh giá tính phù hợp cho PT
Kinh tế	• Các ngành CN xanh • NC/PT công nghệ môi trường
Xã hội	• Nâng cao nhận thức • Giáo dục cộng đồng
Giao thông Vận tải	• Phát triển vận tải công cộng • Làm xanh các loại xe
Hạ tầng kỹ thuật	• 3R • Năng lượng tái sử dụng
PT nguồn nhân lực	• Giáo dục về môi trường
Du lịch	• Du lịch sinh thái
Tài chính	• Cơ chế phát triển sạch • Thuế carbon
Môi trường	• Giảm ô nhiễm • Phòng tránh thiên tai • Bảo tồn

48

A8-49

Nâng cao năng lực quản lý

- Định hướng cơ bản: tăng cường năng lực quản lý để quản lý đô thị hữu hiệu cho tất cả các cấp
- ✓ Tăng cường năng lực lập quy hoạch và khung thể chế cho phát triển và quản lý đô thị;
- ✓ Lập cơ chế tham gia hiệu quả của cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch, phát triển và giám sát đô thị

49



Xây dựng chương trình đầu tư

Tổng kết các dự án đề xuất theo từng ngành

Lĩnh vực	Số dự án theo đơn vị đề xuất ¹⁾			Số dự án theo đơn vị thực hiện ²⁾			Tổng
	Tp. Đà Nẵng	DaCRISS	Khác	Chính phủ	PFI	Tư nhân	
Phát triển kinh tế	19	5	0	4	2	18	24
Phát triển xã hội	40	2	0	20	18	4	42
Quản lý môi trường	32	34 (14)	0	61	5	0	66
Phát triển không gian	10	14	0	18	6	0	24
Nhà ở và điều kiện sống	0	3	0	3	0	0	3
Phát triển giao thông	27	26 (1)	0	51	2	0	53
Phát triển tiện ích và hạ tầng đô thị	23	24 (1)	3	49	1	0	50
Phát triển nguồn nhân lực	7	1	0	5	3	0	8
Phát triển và quản lý năng lực tài chính thành phố		3	0	3	0	0	3
Phát triển năng lực hành chính	1	10	0	11	0	0	11
Phát triển du lịch	32	8 (4)	0	3	7	30	40
Tổng	195	131	3	228	44	52	324

1) Dự án đầu tiên do thành phố Đà Nẵng đề xuất nhưng được nghiên cứu kỹ hơn trong DaCRISS.
2) Dự án phân theo đơn vị thực hiện (PFI chương trình tài chính công).

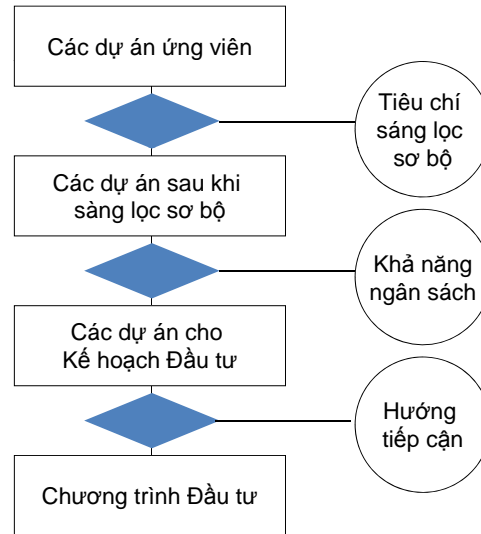
Tiêu chí đánh giá dự án

Nội dung đánh giá	Tiêu chí chính	Điểm đánh giá			
		Tác động tích cực		Trung tính	Tác động tiêu cực
		Lớn (5) ←	→ (1)	(0)	(-1) ← → (-)
A. Chính sách chung	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ chính sách phát triển chung của thành phố Nâng cao hình ảnh và đặc trưng của thành phố Góp phần cải thiện khí hậu 				
B. Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> Góp phần tăng trưởng kinh tế Hiệu quả về chi phí Tăng cơ hội việc làm 				
C. Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Giảm nghèo Tác động đến tái định cư Cải thiện môi trường sống 				
D. Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Loại bỏ/giảm ô nhiễm Bảo vệ môi trường tự nhiên Đổi phó với thiên tai 				
E. Thực hiện và Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Độ chín của dự án, tính khả thi nguồn vốn C chế thực hiện Tính khẩn cấp của dự án/hành động 				

A8-50

■ Xây dựng Chương trình Đầu tư

- Chương trình đầu tư sẽ được chuẩn bị trong bước tiếp theo
- Kỹ yếu về bốn dự án/ chương trình chính sẽ được lập để chuẩn bị cho bước tiếp theo



53

Các công cụ quy hoạch được phát triển trong DaCRISS

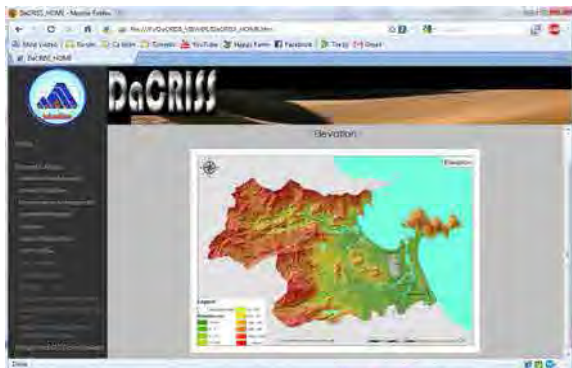
- GIS (sơ bộ)
- Hồ sơ đô thị để đánh giá toàn diện về điều kiện sống ở cấp phường/xã
- Đánh giá điều kiện tự nhiên để xác định những kv phù hợp cho phát triển và cần bảo vệ môi trường
- STRADA căn cứ vào kết quả dự báo nhu cầu giao thông và phân tích mạng lưới
- Các công cụ khác

■ Các vấn đề chính trong phát triển GIS

- Mục tiêu, phạm vi và người dùng GIS
- Phát triển và cập nhật cơ sở dữ liệu
- Chia sẻ cơ sở dữ liệu
- Sử dụng GIS trong công tác lập quy hoạch
- Kỹ năng yêu cầu của người sử dụng
- Quản lý GIS

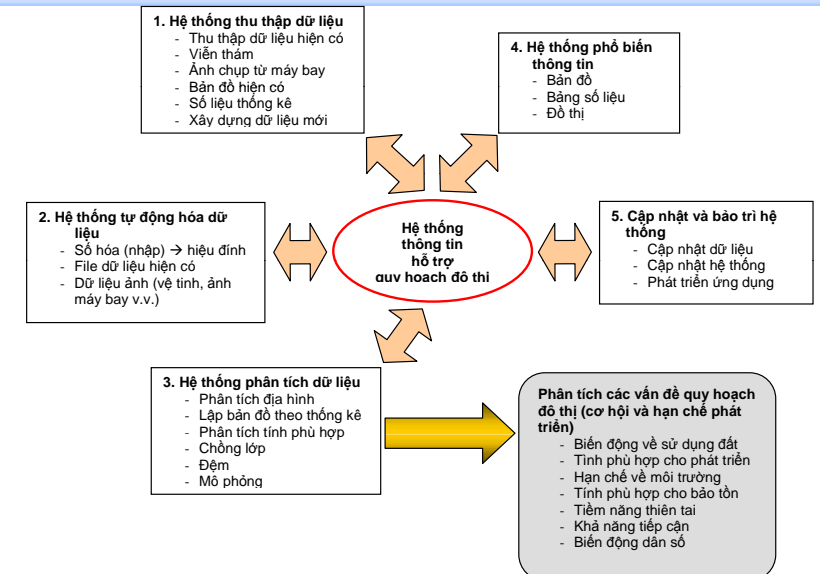


DaCRISS đã xây dựng hệ thống GIS sơ khởi phục vụ quy hoạch đô thị, có thể làm cơ sở để thảo luận thêm về phát triển hệ thống GIS phù hợp cho Đà Nẵng



55

■ Cơ sở dữ liệu GIS xây dựng trong dự án DaCRISS



A8-51

56

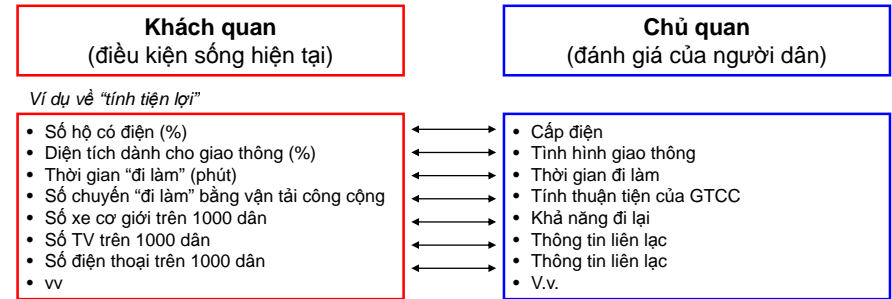
Sử dụng cơ sở dữ liệu GIS của DaCRISS

Thành phần	Nội dung dữ liệu	Sử dụng	Cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật
Bản đồ nền	Ranh giới thành phố, và các thông tin cơ bản trong đó có điều kiện địa hình của thành phố	Dữ liệu này để xem ranh giới hành chính, điều kiện địa hình của một khu vực.	Sở TNMT, XD, GTVT, NNPTNT
Các công cụ quy hoạch đô thị	Điều kiện KT-XH, đánh giá điều kiện môi trường tự nhiên, hệ thống giao thông đô thị, sử dụng đất, phân tích phù hợp phát triển	Dữ liệu này cho biết phân bố không gian các điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường tự nhiên và hỗ trợ đưa ra quyết định về các vấn đề lập quy hoạch đô thị	Sở KHĐT, TNMT, XD, GTVT, NNPTNT
Tiện ích đô thị	Mạng lưới cấp nước, thoát nước, mạng lưới điện và bãi rác	Dữ liệu này cho biết phân bố không gian của các công trình công cộng.	Sở XD, GTVT, Công Thương, TNMT
Công trình công cộng	Các công trình công cộng (hành chính, giáo dục, y tế, giải trí, tôn giáo)	Dữ liệu này cho biết phân bố không gian của các công trình công cộng và quản lý về hiện trạng các công trình.	Sở XD, CT, VH-TT-DL, YT, GDĐT, CT
Quy hoạch tổng thể	Quy hoạch tổng thể của Sở XD, các dự án xây dựng đang thực hiện	Dữ liệu này cho biết quy hoạch tổng thể hiện tại của Sở XD và các dự án xây dựng đang được chính phủ và các Sở ngành của Đà Nẵng thực hiện	Sở XD, Tất cả các Sở

57

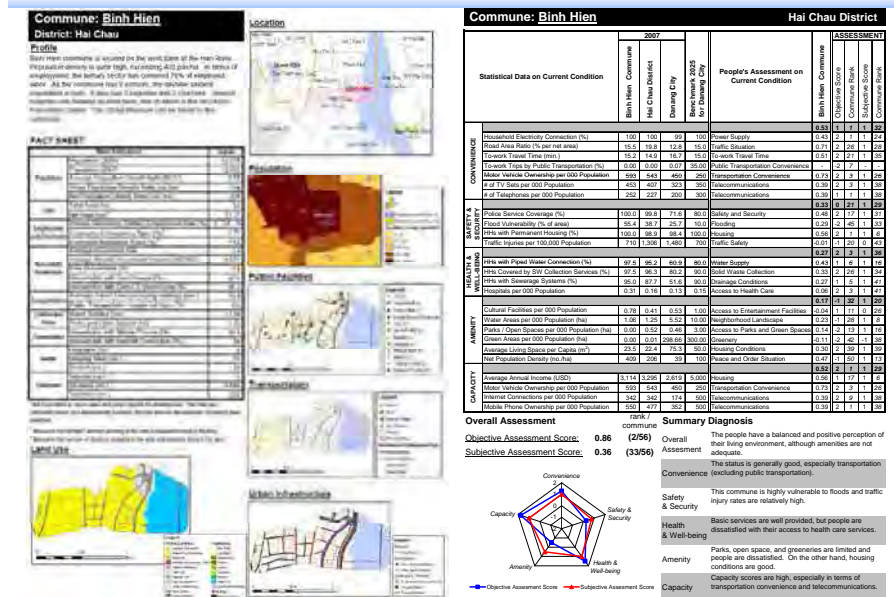
Hồ sơ Đô thị

- Bộ chỉ tiêu đánh giá gồm năm tiêu chí về điều kiện sống (tính thuận tiện, An toàn – An ninh, Lành mạnh, Tiện ích, Năng lực)
- Các chỉ tiêu đánh giá này lại được đánh giá theo góc độ chủ quan và khách quan (chủ yếu là từ đánh giá của người dân thu được từ điều tra phỏng vấn hộ gia đình thực hiện từ tháng 8 – 10 năm 2008).



58

Ví dụ về tài liệu "Hồ sơ đô thị"



59

Bộ bản đồ DaCRISS

Mục tiêu

- Các bản đồ chuyên ngành lập trong nghiên cứu DaCRISS được xếp thành bộ Atlas DaCRISS với khổ A3 để có thể tra cứu tiện lợi.

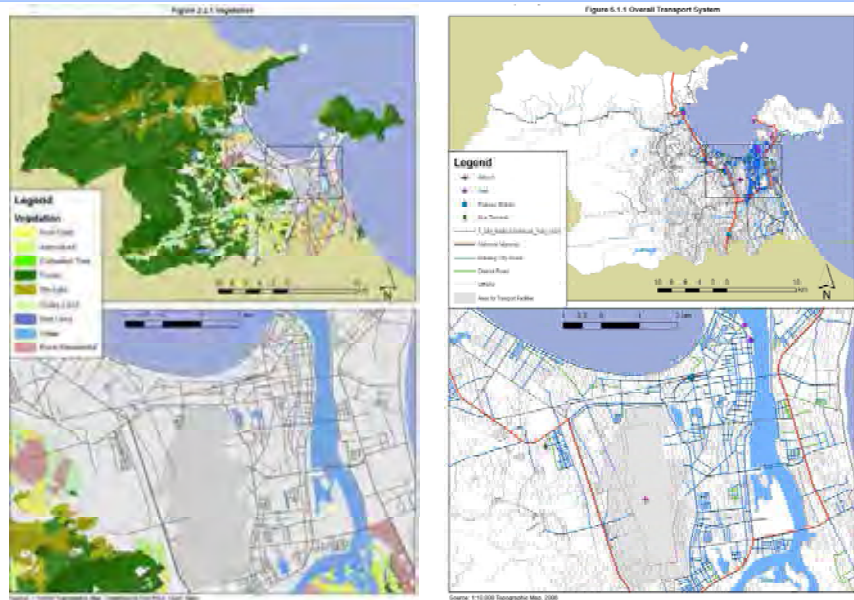
Sơ lược

- Atlas DaCRISS được chia thành 5 hạng mục;
 - Bản đồ cơ sở:** thể hiện diện tích hành chính, điều kiện địa hình của thành phố
 - Các công cụ quy hoạch đô thị:** thể hiện tình hình phân bố không gian các vấn đề quy hoạch đô thị, ví dụ như điều kiện kinh tế – xã hội, điều kiện tự nhiên, kiểm soát môi trường, các số liệu về rủi ro, tình trạng sử dụng đất hiện tại, giao thông đô thị, tính phù hợp cho phát triển
 - Ha tầng kỹ thuật đô thị:** thể hiện sự phân bố và quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật
 - Công trình công cộng:** thể hiện sự phân bố và quản lý các công trình công cộng này
 - Quy hoạch tổng thể:** thể hiện sự phân bố của các dự án quy hoạch tổng thể hiện tại và các dự án xây dựng

A8-52

60

■ Hình ảnh ví dụ về Atlas DaCRISS



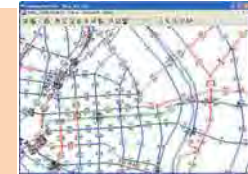
61

■ STRADA

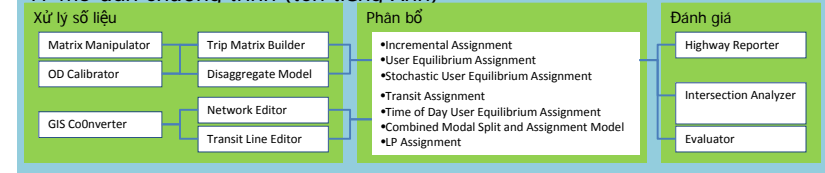
- STRADA là một gói phần mềm thực hiện chức năng dự báo nhu cầu vận tải, chạy trên nền hệ điều hành Windows.
- Phiên bản đầu tiên của STRADA được JICA phát triển năm 1997 thành một công cụ quy hoạch giao thông, xây dựng cơ sở dữ liệu chung trong khuôn khổ chương trình hỗ trợ kỹ thuật của tổ chức này tại các nước đang phát triển.

Tính năng

- Hỗ trợ nhiều ngôn ngữ
- Tính năng hiệu đính nâng cao của các ứng dụng thương mại
- Tương thích tốt với dữ liệu GIS
- Có sẵn một số mô hình dự báo nhu cầu
- Mô hình đánh giá tốt



17 mô-đun chương trình (tên tiếng Anh)



62

■ Đánh giá Môi trường Chiến lược (ĐMC)

■ Định nghĩa

“ĐMC là công việc phân tích và dự đoán các tác động môi trường tiềm năng của chiến lược và quy hoạch phát triển trước khi được thông qua để đảm bảo đạt được những thành tựu về phát triển”

■ Cơ quan thực hiện ĐMC: Trung tâm công nghệ môi trường (ENTEC)

■ Quy trình

- Cuộc họp ĐMC đầu tiên vào tháng 4/2009 có sự tham gia của cán bộ Nhà nước, giáo sư, chuyên gia về các lĩnh vực liên quan, ngoài ra còn có đại diện của Mặt trận Tổ quốc, Hiệp hội Khoa học & Công nghệ, Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và môi trường.
- Các cuộc họp giữa các bên liên quan được tổ chức vào tháng 8/2009 có sự tham gia của các đại biểu nói trên cũng như đại diện của các quận, huyện và doanh nghiệp.

63

■ Đánh giá các phương án kịch bản

	Nội dung	Kịch bản 1 (xu hướng)	Kịch bản 2 (QH hiện tại)	Kịch bản 3 (đẩy mạnh tăng trưởng)
Ô nhiễm	Chất lượng không khí	B	B	E
	Tiền ồn, rung chấn	D	D	D
	Chất lượng nước (nước ngầm và nước mặt)	B	E	E
	Đất	-	-	-
	Nước thải	B	E	E
	Chất thải rắn	B	E	E
Môi trường tự nhiên	Khu vực ven biển	C	C	C
	Bảo tồn và quản lý rừng	C	C	C
	Động, thực vật (đa dạng sinh học)	C	C	C
	Hệ sinh thái	C	C	C
Môi trường xã hội	Vấn đề trái đất ấm lên	B	B	E
	Tái định bất buộc	B	B	A
	Phân tách, chia rẽ vùng và cộng đồng	-	-	-
	Nhóm chính sách xã hội (nghèo, thiếu số)	B	E	E
	Di sản văn hóa, lịch sử (công trình văn hóa và lịch sử)	-	E	E
	Cảnh quan	A	A	E
	Cây xanh, công viên, không gian mở	A	E	E
	Y tế, chăm sóc sức khỏe (vệ sinh)	C	C	C
	Môi trường sống	B	C	E
	An toàn & An ninh (tội phạm, thiên tai v.v.)	C	E	E
	Kinh tế địa phương (kinh doanh môi trường)	C	+	+
	Cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội hiện có	C	+	+
	Phân bổ không đều lợi ích và thiệt hại	-	-	-
	Mùi khó chịu	-	-	-
Tai nạn	B	B	+	
Các vấn đề xã hội khác (ổn định, bình đẳng xã hội, v.v.)	-	-	-	
Đánh giá chung	V	VV	VV	

A: Tác động lớn cực nhất - -> E: It tác động, +: Tác động tích cực, -: Không có tác động
V: Tác động tiêu cực, VV: Tác động tiêu cực ở một mức độ nào đó VVV: Không có tác động tiêu cực

A8-53

64

■ Các vấn đề chính đã xác định

- Tái định cư bắt buộc do thu hồi đất
- Ô nhiễm nước do xả nước thải chưa xử lý
- Ô nhiễm không khí do tăng số lượng xe cơ giới
- Tác động tiêu cực tới rừng và đa dạng sinh học

65

■ BƯỚC TIẾP THEO

- Hoàn thiện bản Dự thảo Quy hoạch chung theo kết quả thảo luận và đánh giá trong cuộc họp Ban Chỉ đạo về báo cáo giữa kỳ
- Hoàn tất bản dự thảo chương trình cho các ngành phát triển đô thị, môi trường và kế hoạch thực hiện.
- Thể hiện các kết quả nghiên cứu vào trong Dự thảo Báo cáo Cuối cùng để thảo luận trong cuộc họp Ban Chỉ đạo lần tới
- Tiến hành một khóa đào tạo ngắn về các công cụ quy hoạch
- Thực hiện nghiên cứu bổ sung về phát triển du lịch vùng KTTĐ miền Trung

66

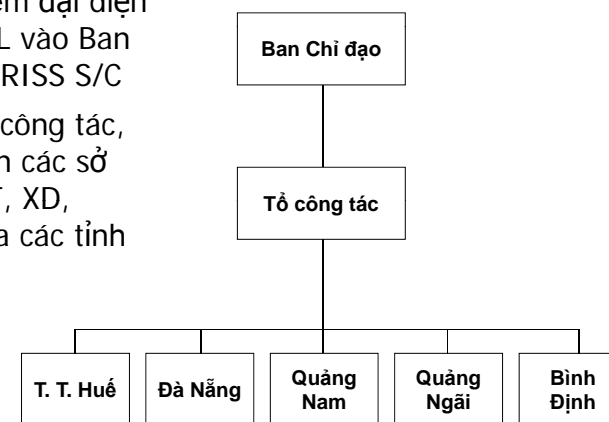
■ Hướng tiếp cận đề xuất cho nội dung nghiên cứu thêm về phát triển du lịch vùng KTTĐ miền Trung

- **Mục tiêu:** xây dựng chiến lược và chương trình gắn kết về phát triển du lịch cho vùng KTTĐ miền Trung
- **Phạm vi công việc:**
 - rà soát nghiên cứu của JICA về phát triển du lịch cho miền Trung năm 2002
 - rà soát các quy hoạch và dự án hiện có của ngành du lịch ở cấp trung ương và địa phương
- **Khu vực nghiên cứu** Đà Nẵng và các tỉnh phụ cận, bao gồm T.T.Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định
- **Thời gian nghiên cứu** Tới tháng 6 năm 2010 (nội Báo cáo Cuối cùng)

67

■ Tổ chức Nghiên cứu

- Ban Chỉ đạo: thêm đại diện của Bộ VH-TT-DL vào Ban Chỉ đạo của DaCRISS S/C
- Sẽ thành lập Tổ công tác, bao gồm đại diện các sở VH-TT-DL, GTVT, XD, TNMT, KHĐT của các tỉnh



A8-54

68



Cuộc họp Ban chỉ đạo lần 5 về Nghiên cứu Chiến lược Phát triển Liên kết thành phố Đà Nẵng và Vùng phụ cận (DaCRISS)

Ngày 15 tháng 12 năm 2009
Thành phố Đà Nẵng
Đoàn nghiên cứu JICA

Phần I Các chiến lược phát triển vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung



A8-55

■ Nội dung

■ Sản phẩm của DaCRISS

- Phân I Các chiến lược phát triển vùng KTTĐMT
- Phân II QHTT Phát triển Thành phố Đà Nẵng
- Phân III Các công cụ quy hoạch

■ Tổng quan về nghiên cứu phát triển du lịch vùng KTTĐMT

■ Các bước tiếp theo

2

■ Hạn chế và Cơ hội

◀ Hạn chế và Rủi ro ▶

- Quy mô dân số nhỏ
- Thiếu kết cấu hạ tầng
- Bị tác động thiên tai
- Khu vực tư nhân còn yếu
- Kết nối chưa tốt với thị trường thế giới và các trung tâm tăng trưởng
- Tác động của thay đổi khí hậu

◀ Ưu điểm và Cơ hội ▶

- Môi trường văn hóa và tự nhiên đa dạng, phong phú
- Vị trí chiến lược tại Việt Nam và vùng GMS
- Thị trường du lịch chất lượng cao ngày càng tăng
- Môi trường đầu tư được cải thiện
- Cam kết chính sách của Chính phủ đối với phát triển của vùng KTTĐMT

4

■ Tầm nhìn mới

Tiến tới trở thành “Vùng Công nghệ Môi trường”
trên cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế,
cân bằng sinh thái và hòa hợp dân tộc

với các biện pháp

- Các biện pháp theo hướng công nghệ
- Quản lý môi trường cải tiến
- Bảo tồn giá trị văn hóa
- Phát triển nguồn nhân lực, và
- Chiến lược cơ sở hạ tầng cơ bản

5

■ Các định hướng phát triển đề xuất

- Thiết lập vai trò có tính bổ sung và cạnh tranh của vùng KTTĐMT trong chiến lược phát triển quốc gia
- Tăng cường khả năng kết nối trực tiếp với cộng đồng quốc tế
- Tăng cường phối hợp liên tỉnh để phát huy hiệu quả tổng hợp của các lợi thế và cơ hội, giảm thiểu điểm yếu và rủi ro

◀ Gắn kết ▶

- Gắn kết vùng
- Gắn kết ngành
- Gắn kết thể chế

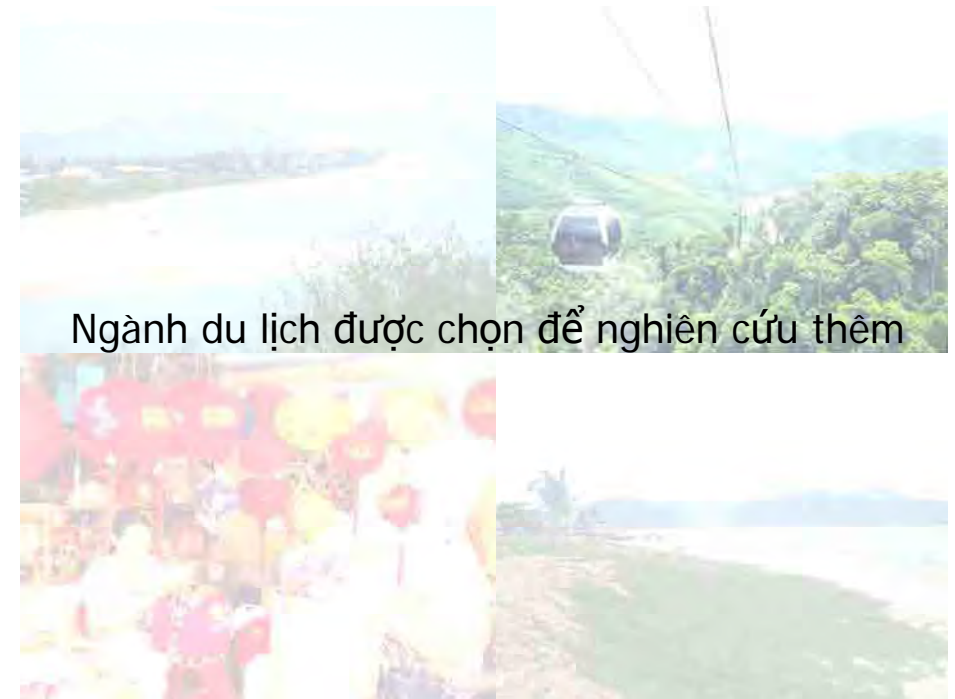


■ Chia sẻ vai trò giữa các tỉnh vùng KTTĐMT

Vấn đề chính	Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	
Chức năng đầu mối	B	(A)	B	(A)	B	
Nội dung phát triển chiến lược	Du lịch	(A)	(A)	(A)	A	A
	Công nghiệp	B	B	B	(A)	B
	Dịch vụ	A	(A)	B	A	A
	Ngành nghề mới (y tế, giáo dục)	B	(A)	A	B	B
	Phát triển nguồn nhân lực	(A)	(A)	A	A	A
	Quản lý môi trường	A	A	A	A	A
	Nâng cao giá trị văn hóa	(A)	B	(A)	B	B
Phát triển đô thị	A	(A)	A	A	(A)	
Phát triển nông thôn	A	B	A	A	A	

(A) : vai trò cấp vùng, A: vai trò chính, B: vai trò thứ yếu

7



Ngành du lịch được chọn để nghiên cứu thêm

A8-56

Phần II QHTT phát triển thành phố Đà Nẵng



Tầm nhìn

Đà Nẵng trở thành thành phố môi trường có tính cạnh tranh trên trường quốc tế, không chỉ là không có ô nhiễm

với các biện pháp

- Đảm bảo được tính an toàn và an ninh
- Khuyến khích đảm bảo ổn định sinh thái
- Nâng cao điều kiện sống
- Giảm nghèo và duy trì tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ
- Bảo vệ được các giá trị văn hóa
- Phát triển nguồn nhân lực

10

Các chỉ tiêu kinh tế – xã hội chính (ước tính)

		2007	2025	2025/ 2007
Dân số (000)		807	2.100	2,6
GDP (tỷ đồng) giá năm 2007		15.107	133.161	8,8
GDP / người	Triệu đồng	18,7	63,4	3,4
	USD	1.100	3.730	
Sở hữu xe (% hộ gia đình)	Xe ô tô	1,5	69,9	46,6
	Xe máy	90,1	23,2	0,3

11

Chiến lược tăng trưởng chung

- Đáp ứng vai trò cấp vùng của Đà Nẵng, bao gồm (i) Đà Nẵng đóng vai trò là cầu nối kinh tế – xã hội và không gian giữa khu vực phía nam và phía bắc, (ii) Đà Nẵng đóng không chỉ là tạo điều kiện phát triển và tăng trưởng vùng Kinh tế Trọng điểm miền Trung, và (iii) Đà Nẵng góp phần phát triển và tăng trưởng vùng GMS thông qua Hành lang Đông – Tây
- Cần có chiến lược tăng trưởng khác so với vùng KTTĐBB và vùng KTTĐPN, phát huy lợi thế có được (tài nguyên thiên nhiên và văn hóa giàu có và đa dạng, Đại học Đà Nẵng), hạn chế những điểm yếu (thị trường nhỏ, kém về cơ sở hạ tầng) và rủi ro (thiên tai).
- Phát huy cơ hội bằng cách tăng cường kết nối với thế giới bên ngoài, thông qua đường hàng không và hệ thống công nghệ thông tin đã được tăng cường, cải tiến

A8-57

12

■ Các chiến lược chủ yếu về phát triển ngành (1)

- **Phát triển kinh tế:** chuyển dịch sang các ngành sử dụng nhiều chất xám và các ngành môi trường, bao gồm du lịch sinh thái, y tế, dịch vụ, đồng thời tăng cường hoạt động cạnh tranh của các ngành nghề hiện có.
- **Phát triển du lịch:** mở rộng mô hình du lịch (du lịch sinh thái, MICE*) trên cơ sở phối hợp với các tỉnh và gắn kết với các ngành hữu quan, ví dụ như giao thông, môi trường, phát triển nguồn nhân lực...
- **Phát triển nguồn nhân lực:** Đà Nẵng trở thành trung tâm phát triển nguồn nhân lực về du lịch, dịch vụ, ngành nghề môi trường và sử dụng chất xám, mở rộng và nâng cấp các trung tâm đào tạo, giáo dục

* MICE: Hội nghị, quảng bá, gặp gỡ, giao lưu, triển lãm

13

■ Các chiến lược chủ yếu về phát triển ngành (2)

- **Phát triển đô thị và bố trí cơ sở hạ tầng:** Khuyến khích phát triển các khu vực đô thị hiệu quả từ phát triển hệ thống vận tải công cộng chất lượng cao gắn kết với các khu vực đô thị đa dạng về môi trường và không chịu lũ lụt, có các công trình và dịch vụ hiệu quả; Tăng cường việc thực hiện quy hoạch đô thị đã cập nhật
- **Phát triển Giao thông Vận tải:** Đảm bảo tính cơ động và khả năng tiếp cận trong tương lai của người dân cũng như khách tới thăm bằng cách tăng cường kết nối dịch vụ ở cấp quốc tế, vùng và thành phố, cung cấp các dịch vụ vận tải công cộng có tính cạnh tranh và các loại xe thân thiện với môi trường
- **Nhà ở và điều kiện sống:** Phát triển các hình thức nhà tập thể giá phù hợp, có khả năng chống trượt với thiên tai, tiết kiệm năng lượng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân, bao gồm cả người nhập cư. Tiếp tục cải thiện dịch vụ cơ bản và khuyến khích người dân cải thiện điều kiện sống ở cấp cộng đồng

14

■ Các chiến lược chủ yếu về phát triển ngành (3)

- **Quản lý môi trường:** Mặc dù chiến lược ngành bao gồm (i) bảo vệ và cải thiện hệ sinh thái, (ii) đảm bảo không ô nhiễm tại các điểm nóng, (iii) tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng, và (iv) tăng cường khả năng sẵn sàng ứng phó với thiên tai, nhưng nội dung môi trường cũng được lồng ghép vào trong chiến lược của các ngành khác, ví dụ như đô thị nén trong phát triển đô thị, vận tải công cộng trong giao thông đô thị, v.v.
- **Quản lý đô thị:** Các chiến lược bao gồm (i) thiết lập hệ thống quản lý đô thị minh bạch, có tính giai trình cao, (ii) tăng cường cơ sở cấp vốn đô thị dựa trên cơ sở mở rộng các nguồn phí đánh vào người sử dụng, hình thức PPP, v.v. , và (iii) tăng cường phối hợp liên tỉnh.

15

■ Đặt “môi trường” làm yếu tố trọng tâm trong từng chuyên ngành

Ngành	Nội dung môi trường
■ Phát triển không gian	• Thành phố tập trung
■ Sử dụng đất	• Phân khu môi trường • Phát triển bền vững
■ Kinh tế	• Ngành nghề xanh • Nghiên cứu, phát triển công nghệ môi trường
■ Xã hội	• Nâng cao nhận thức • Giáo dục cộng đồng
■ Giao thông vận tải	• Phát triển vận tải công cộng • Xanh hóa phương tiện
■ Hạ tầng kỹ thuật	• 3R - Hệ thống tiết kiệm năng lượng • Năng lượng tái tạo
■ PT nguồn nhân lực	• Giáo dục/đào tạo về môi trường
■ Du lịch	• Du lịch sinh thái
■ Tài chính	• Cơ chế phát triển sạch • Thuế khí thải các-bon
■ Môi trường	• Xử lý ô nhiễm • Phòng ngừa thiên tai • Bảo tồn

A8-58

16